

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC
(Chương trình chất lượng cao)

1/ TÊN HỌC PHẦN

- Tiếng Việt: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin (Nguyên lý 1)
- Tiếng Anh: Principles of Marxism-Leninism 1 (part 1)
- Mã học phần: THML01 Tổng số tín chỉ: 03

2/ KHOA/BỘ MÔN PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY:

Khoa Triết học và Chính trị học

3/ MÔ TẢ HỌC PHẦN

Môn học Nguyên lý 1 (*bao gồm những kiến thức cơ bản về Triết học Mác-Lênin*), trang bị cho người học nắm vững thế giới quan, phương pháp luận. Từ đó, giúp người học có quan điểm khách quan, quan điểm toàn diện, quan điểm lịch sử cụ thể, quan điểm phát triển, quan điểm thực tiễn khi nhìn nhận, đánh giá sự vật, hiện tượng. Qua đó, hình thành nhân sinh quan khoa học, góp phần cải tạo thế giới phát triển hợp quy luật.

4/ MỤC TIÊU MÔN HỌC

4.1. Về kiến thức

Chương 1: Trang bị cho sinh viên khái quát về chủ nghĩa Mác-Lênin; từ đó, nắm bắt được đối tượng, phương pháp học tập, nghiên cứu của môn học.

Chương 2: Chủ nghĩa duy vật biện chứng là hạt nhân lý luận triết học của thế giới quan khoa học Mác-Lênin; là hệ thống lý luận và phương pháp luận được xác lập trên cơ sở giải quyết vấn đề cơ bản của triết học theo quan điểm duy vật biện chứng. Do đó, trang bị phân lý luận về thế giới quan khoa học, trong việc nhận và cải tạo thế giới khách quan.

Chương 3: Phép biện chứng duy vật là một bộ phận lý luận cơ bản hợp thành thể giới quan và phương pháp luận triết học của chủ nghĩa Mác –Lênin. Do đó, trang bị những kiến thức cơ bản về phép biện chứng và phép biện chứng duy vật gồm: Hai nguyên lý, sáu cặp phạm trù và ba quy luật cơ bản cùng với những mối quan hệ biện chứng giữa chúng. Trên cơ sở những nguyên tắc và phương pháp luận rút ra ở mỗi nội dung, người học có thể nhận thức và giải quyết các vấn đề trong thực tiễn.

Chương 4: Lý luận nhận thức là một trong những lý luận quan trọng nhất trong hình thành thể giới quan và phương pháp luận khoa học trong hoạt động nhận thức con người. Qua đó, giúp người nhận thức ngày càng đầy đủ về giới tự nhiên, góp phần cải tạo giới tự nhiên hợp quy luật khách quan. Do đó, trong chương này người học cần nắm

Chương 5: Giúp sinh viên hiểu và nắm vững các quy luật vận động, phát triển của xã hội loài người từ thấp đến cao. Từ đó, vận dụng vào xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội.

4.2. Về kỹ năng

- + Môn nguyên lý I trang bị cho sinh viên phương pháp làm việc biện chứng
- + Rèn luyện khả năng thuyết trình, tư duy phản biện
- + Rèn luyện và nâng cao phẩm chất đạo đức cách mạng cho sinh viên.

5/ LỊCH TRÌNH GIẢNG DẠY

STT	TUẦN	NỘI DUNG	Số tiết	T. luận + HDTL + Ôn tập
1	T.1	C.I: NHẬP MÔN NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN	3 tiết	
2	T.2	C. II: CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG I. CNDV VÀ CNDV BIỆN CHỨNG	2 tiết	
		II. QUAN ĐIỂM DVBC VỀ VẬT CHẤT, THỨC VÀ MQH GIỮA VẬT CHẤT VÀ Ý THỨC BIỆN CHỨNG	1 tiết	
3	T.3	II. QUAN ĐIỂM DVBC VỀ VẬT CHẤT, THỨC VÀ MQH GIỮA VẬT CHẤT VÀ Ý THỨC BIỆN CHỨNG (tiếp)	1 tiết	
		[Thảo luận]		2 tiết
4	T.4	C.III: PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT I. PHÉP BIỆN CHỨNG VÀ PBC DV	3 tiết	
5	T.5	II. CÁC NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA PBC DV	3 tiết	
6	T.6	III. CÁC CẤP PHẠM TRÙ CƠ BẢN CỦA PBCDV		3 tiết
7	T.7	IV. CÁC QUY LUẬT CƠ BẢN CỦA PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT	3 tiết	
8	T.8	[Thảo luận]		3 tiết
9	T.9	C.IV: LÝ LUẬN NHẬN THỨC DUY VẬT BIỆN CHỨNG I. BẢN CHẤT CỦA QUÁ TRÌNH NHẬN THỨC II. THỰC TIỄN VÀ VAI TRÒ CỦA THỰC TIỄN ĐỐI VỚI NHẬN THỨC	2 tiết	
		III. CON ĐƯỜNG BIỆN CHỨNG CỦA NHẬN THỨC CHÂN LÝ	1 tiết	
10	T.10	IV. SỰ THỐNG NHẤT GIỮA LL VÀ TT		1 tiết
		[Thảo luận]		2 tiết
11	T.11	C.V: CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ I. VAI TRÒ CỦA SẢN XUẤT VẬT CHẤT VÀ QUY LUẬT QHSX PHÙ HỢP VỚI TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN CỦA LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT	2 tiết	
		[HƯỚNG DẪN VIẾT TIỂU LUẬN]		1 tiết
12	T.12	II. BIỆN CHỨNG CỦA CSHT VÀ KTTT III. QĐ BIỆN CHỨNG VỀ TTXH VÀ YTXH	2 tiết	
		IV. HÌNH THÁI KINH TẾ- XÃ HỘI VÀ QUÁ TRÌNH LỊCH SỬ-TỰ NHIÊN CỦA SỰ PHÁT TRIỂN CÁC HÌNH THÁI KINH TẾ-XÃ HỘI	1 tiết	
13	T.13	IV. HÌNH THÁI KINH TẾ- XÃ HỘI VÀ QUÁ TRÌNH LỊCH SỬ-TỰ NHIÊN CỦA SỰ PHÁT TRIỂN CÁC HÌNH THÁI KINH TẾ-XÃ HỘI (tiếp)	1 tiết	
		[Thảo luận]		2 tiết
14	T.14	V. GIAI CẤP, VAI TRÒ CỦA ĐẤU TRANH GIAI CẤP VÀ CMXH TRONG SỰ VẬN ĐỘNG, PHÁT TRIỂN CỦA XÃ HỘI CÓ ĐỐI KHÁNG GIAI CẤP VI. QUAN ĐIỂM CỦA CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ VỀ CON NGƯỜI VÀ VAI TRÒ SÁNG TẠO LỊCH SỬ CỦA QUẦN CHÚNG NHÂN DÂN		3 tiết
		[Thảo luận]		
15	T.15	[Hướng dẫn ôn tập + Giải đáp thắc mắc]		3 tiết
	Tổng		25 Tiết	20 Tiết

6/ MÔ TẢ NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	Nội dung	Lý Thuyết (Tiết)	Thảo luận + T.luận (Tiết)	Tổng số (Tiết)
1	<p style="text-align: center;">Chương 1</p> <p style="text-align: center;">NHẬP MÔN NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN</p> <p>I. KHÁI LƯỢC VỀ CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN</p> <p>1. Chủ nghĩa Mác-Lênin và ba bộ phận lý luận cấu thành</p> <p><i>1.1. Chủ nghĩa Mác-Lênin</i></p> <p><i>1.2. Ba bộ phận lý luận cơ bản cấu thành chủ nghĩa Mác-Lênin</i></p> <p>2. Khái lược quá trình hình thành và phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin</p> <p><i>2.1. Những điều kiện, tiền đề của sự ra đời chủ nghĩa Mác</i></p> <p>* Điều kiện kinh tế - xã hội</p> <p>* Tiền đề lý luận</p> <p>* Tiền đề về khoa học tự nhiên</p> <p><i>2.2. C.Mác, Ph.Ăngghen với quá trình hình thành và phát triển chủ nghĩa Mác</i></p> <p><i>2.3. V.I Lênin với việc bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác trong điều kiện lịch sử mới</i></p> <p>3. Phương hướng vận dụng và bổ sung phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác- Lênin</p> <p>II. ĐỐI TƯỢNG, MỤC ĐÍCH VÀ YÊU CẦU VỀ PHƯƠNG PHÁP HỌC TẬP, NGHIÊN CỨU NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN</p> <p>1. Đối tượng và mục đích học tập, nghiên cứu</p> <p><i>1.1. Đối tượng</i></p> <p><i>1.2. Mục đích</i></p> <p>2. Một số yêu cầu cơ bản về mặt phương pháp học tập, nghiên cứu</p>	2	1	3

2	<p style="text-align: center;">Chương 2</p> <p style="text-align: center;">CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG</p> <p style="text-align: center;">I. CHỦ NGHĨA DUY VẬT VÀ CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG</p> <p><i>1. Vấn đề cơ bản của triết học và sự đối lập giữa chủ nghĩa duy vật với chủ nghĩa duy tâm trong việc giải quyết vấn đề cơ bản của triết học</i></p> <p><i>1.1. Vấn đề cơ bản của triết học</i></p> <p><i>1.2. Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm với các hình thức biểu hiện</i></p> <p><i>* Chủ nghĩa duy vật</i></p> <p><i>* Chủ nghĩa duy tâm</i></p> <p style="text-align: center;">II. QUAN ĐIỂM DUY VẬT BIỆN CHỨNG VỀ VẬT CHẤT, THỨC VÀ MỐI QUAN HỆ GIỮA VẬT CHẤT VÀ Ý THỨC</p> <p>1. Vật chất</p> <p><i>1.1. Phạm trù vật chất</i></p> <p><i>1.2. Phương thức và hình thức tồn tại của vật chất</i></p> <p><i>1.3. Tính thống nhất vật chất của thế giới</i></p> <p>2. Ý thức</p> <p><i>2.1. Nguồn gốc của ý thức</i></p> <p>3. Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức</p> <p><i>3.1. Vai trò của vật chất đối với ý thức</i></p> <p><i>3.2. Vai trò của ý thức đối với vật chất</i></p> <p><i>2.3. Ý nghĩa phương pháp luận</i></p>	4	2	6 tiết
3	<p style="text-align: center;">Chương 3</p> <p style="text-align: center;">PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT</p> <p style="text-align: center;">I. PHÉP BIỆN CHỨNG VÀ PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT</p> <p>1. Phép biện chứng và các hình thức cơ bản của phép biện chứng</p> <p><i>1.1. Khái niệm biện chứng, phép biện chứng</i></p> <p><i>1.2. Các hình thức cơ bản của PBC</i></p> <p>2. Phép biện chứng duy vật</p> <p style="text-align: center;">II. CÁC NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT</p> <p>1. Nguyên lý về mối liên hệ phổ biến</p>	9	6	15

<p><i>1.1. Khái niệm mối liên hệ và mối liên hệ phổ biến</i></p> <p><i>1.2. Những tính chất của mối liên hệ</i></p> <p><i>1.3. Ý nghĩa phương pháp luận:</i></p> <p>2. Nguyên lý về sự phát triển</p> <p><i>2.1. Khái niệm “phát triển”:</i></p> <p><i>2.2. Những tính chất cơ bản của sự phát triển</i></p> <p><i>2.3. Ý nghĩa phương pháp luận</i></p> <p>III. CÁC CẤP PHẠM TRÙ CƠ BẢN CỦA PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT</p> <p>1. Phạm trừ cái chung và cái riêng, cái đơn nhất</p> <p><i>1.1. Khái niệm phạm trừ:</i></p> <p><i>1.2. Khái niệm cái riêng và cái chung; cái đơn nhất</i></p> <p><i>1.3. Mối quan hệ biện chứng giữa cái riêng, cái chung và cái đơn nhất.</i></p> <p><i>* Phải duy thực mối quan hệ biện chứng giữa cái riêng, cái chung</i></p> <p><i>* Phải duy danh mối quan hệ biện chứng giữa cái riêng, cái chung</i></p> <p><i>* Quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng</i></p> <p><i>1.4. Ý nghĩa phương pháp luận:</i></p> <p>2. Phạm trừ nguyên nhân và kết quả</p> <p><i>2.1. Khái niệm nguyên nhân và kết quả</i></p> <p><i>2.2. Mối quan hệ biện chứng giữa nguyên nhân và kết quả</i></p> <p><i>2.3. Ý nghĩa phương pháp luận</i></p> <p>3. Phạm trừ tất nhiên và ngẫu nhiên</p> <p><i>3.1. Khái niệm cái tất nhiên và cái ngẫu nhiên</i></p> <p><i>3.2. Mối quan hệ biện chứng giữa tất nhiên và ngẫu nhiên</i></p> <p><i>3.3. Ý nghĩa phương pháp luận</i></p> <p>4. Phạm trừ nội dung và hình thức</p> <p><i>4.1. Khái niệm nội dung và hình thức</i></p> <p><i>4.2. Mối quan hệ biện chứng giữa nội dung và hình thức</i></p>			
--	--	--	--

	<p>4.3. Ý nghĩa phương pháp luận</p> <p>5. Phạm trù bản chất và hiện tượng</p> <p>5.1. Khái niệm bản chất, hiện tượng.</p> <p>5.2. Mối quan hệ biện chứng giữa bản chất và hiện tượng</p> <p>5.3. Ý nghĩa phương pháp luận</p> <p>6. Phạm trù khả năng và hiện thực</p> <p>6.1. Khái niệm khả năng và hiện thực</p> <p>6.2. Mối quan hệ biện chứng giữa khả năng và hiện thực</p> <p>6.3. Ý nghĩa phương pháp luận</p> <p>IV. CÁC QUY LUẬT CƠ BẢN CỦA PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT</p> <p>1. Một số vấn đề lý luận chung về quy luật</p> <p>1.1. Khái niệm quy luật</p> <p>1.2. Phân loại quy luật</p> <p>2. Quy luật chuyển hóa từ những sự thay đổi về lượng dẫn đến những sự thay đổi về chất và ngược lại (gọi tắt là quy luật lượng-chất)</p> <p>2.1. Khái niệm chất, lượng</p> <p>2.2. Quan hệ biện chứng giữa chất và lượng</p> <p>2.3. Ý nghĩa phương pháp luận</p> <p>3. Quy luật thống nhất và đấu tranh giữa các mặt đối lập (gọi tắt là quy luật mâu thuẫn)</p> <p>3.1. Khái niệm mâu thuẫn và các tính chất chung của mâu thuẫn</p> <p>3.2. Quá trình vận động của mâu thuẫn</p> <p>3.3. Ý nghĩa phương pháp luận</p> <p>3. Quy luật phủ định của phủ định</p> <p>3.1. Khái niệm phủ định biện chứng và những đặc trưng cơ bản của nó</p> <p>3.2. Phủ định của phủ định</p> <p>3.3. Ý nghĩa phương pháp luận</p>			
4	<p style="text-align: center;">Chương 4</p> <p style="text-align: center;">LÝ LUẬN NHẬN THỨC DUY VẬT BIỆN CHỨNG</p>	3	3	6

	<p>I. BẢN CHẤT CỦA QUÁ TRÌNH NHẬN THỨC</p> <p>1. Các nhân tố của quá trình nhận thức</p> <p>2. Các nguyên tắc cơ bản của lý luận nhận thức duy vật biện chứng</p> <p>3. <i>Nhận thức và các trình độ nhận thức</i></p> <p>II. THỰC TIỄN VÀ VAI TRÒ CỦA THỰC TIỄN ĐỐI VỚI NHẬN THỨC</p> <p>1. <i>Thực tiễn và các hình thức cơ bản của thực tiễn</i></p> <p>2. <i>Vai trò của thực tiễn với nhận thức</i></p> <p>III. CON ĐƯỜNG BIỆN CHỨNG CỦA NHẬN THỨC CHÂN LÝ</p> <p>1. <i>Quan điểm của V.I Lênin về con đường biện chứng của sự nhận thức chân lý</i></p> <p>* <i>Nhận thức cảm tính (trực quan sinh động)</i></p> <p>* <i>Nhận thức lý tính (tư duy trừu tượng)</i></p> <p>2. <i>Chân lý và vai trò của chân lý với thực tiễn</i></p> <p>* <i>Quan điểm ngoài Mácxít về chân lý</i></p> <p>* <i>Quan niệm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về chân lý.</i></p> <p>* <i>Ý nghĩa phương pháp luận</i></p> <p>IV. SỰ THỐNG NHẤT GIỮA LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN</p> <p>1. <i>Sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn là nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin.</i></p> <p>2. <i>Phê phán bệnh giáo điều và bệnh kinh nghiệm trong công tác hoạch định chủ trương, đường lối, chính sách và trong hoạt động lãnh đạo, quản lý</i></p>			
5	<p>Chương 5</p> <p>CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ</p> <p>I. VAI TRÒ CỦA SẢN XUẤT VẬT CHẤT VÀ QUY LUẬT QUAN HỆ SẢN XUẤT PHÙ HỢP VỚI TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN CỦA LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT</p> <p>1. Sản xuất vật chất và vai trò của nó</p>	6	6	12

<p>1.1. Khái niệm sản xuất vật chất và vai trò của nó</p> <p>1.1.1. Khái niệm sản xuất vật chất</p> <p>* Khái niệm</p> <p>*Đặc điểm của SXVC:</p> <p>1.1.2. Vai trò của sản xuất vật chất đối với sự tồn tại và phát triển của xã hội</p> <p>2. Quan điểm biện chứng về quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất</p> <p>2.1. Khái niệm lực lượng sản xuất:</p> <p>2.2. Kết cấu của lực lượng sản xuất</p> <p>* Kết cấu của lực lượng sản xuất bao gồm:</p> <p>* Vai trò của khoa học kỹ thuật trong kết cấu lực lượng sản xuất</p> <p>2.3. Quan hệ sản xuất.</p> <p>2.4. Mối quan hệ biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất</p> <p>2.4.1 Sự vận động, phát triển của lực lượng sản xuất quy định và làm thay đổi quan hệ sản xuất cho phù hợp với nó</p> <p>* QHSX phụ thuộc vào tính chất, trình độ phát triển của LLSX</p> <p>* Sự phù hợp và không phù hợp giữa LLSX và QHSX</p> <p>2.4.2. Quan hệ sản xuất có tính chất độc lập tương đối và tác động trở lại sự phát triển của lực lượng sản xuất</p> <p>- Quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ của lực lượng sản xuất..</p> <p>- Quan hệ sản xuất không phù hợp với trình độ của lực lượng sản xuất</p> <p>- Khi mâu thuẫn khách quan giữa LLSX và QHSX</p> <p>3. Ý nghĩa phương pháp luận</p> <p>II. BIỆN CHỨNG CỦA CƠ SỞ HẠ TẦNG VÀ KIẾN TRÚC THƯỢNG TẦNG</p> <p>1. Khái niệm cơ sở hạ tầng, kiến trúc thượng tầng</p> <p>1.1. Khái niệm và đặc trưng của cơ sở hạ tầng</p>			
---	--	--	--

<p><i>1.1.1. Khái niệm: Cơ sở hạ tầng là toàn bộ những quan hệ sản xuất hợp thành cơ cấu kinh tế của một xã hội nhất định.</i></p> <p>1.1.2. Đặc trưng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <i>* Cơ sở hạ tầng của xã hội có giai cấp đối kháng luôn mang tính giai cấp.</i> <i>* Cơ sở hạ tầng thường không thuần nhất và thống nhất</i> <p>1.2. Khái niệm kiến trúc thượng tầng và đặc trưng của nó</p> <p>1.2.1. Khái niệm:</p> <p>1.2.2. Đặc trưng</p> <p>2. Mối quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng</p> <p>2.1. Vai trò quyết định của cơ sở hạ tầng đối với kiến trúc thượng tầng</p> <ul style="list-style-type: none"> <i>* Cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng</i> <i>* CSHT như thế nào thì KTTT như thế ấy</i> <i>* CSHT đã biến đổi thì KTTT cũng biến đổi theo</i> <i>* CSHT đã biến đổi căn bản thì KTTT cũng biến đổi căn bản</i> <p>2.2 Tác động trở lại của kiến trúc thượng tầng đối với cơ sở hạ tầng</p> <ul style="list-style-type: none"> <i>* Toàn bộ KTTT cũng như các yếu tố hợp thành nên nó có tính độc lập tương đối tác động ngược trở lại mạnh mẽ đối với CSHT theo 2 chiều hướng:</i> <p>3. Ý nghĩa phương pháp luận</p> <p>III. QUAN ĐIỂM BIỆN CHỨNG VỀ TỒN TẠI XÃ HỘI VÀ Ý THỨC XÃ HỘI</p> <p>1. Tồn tại xã hội và các yếu tố của tồn tại xã hội</p> <p>1.1. Khái niệm tồn tại xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> <i>* Tồn tại xã hội dùng để chỉ phương diện sinh hoạt vật chất và các điều kiện sinh hoạt vật chất của xã hội.</i> <p>1.2. Các yếu tố của tồn tại xã hội</p> <p>1.2.1. Điều kiện tự nhiên - hoàn cảnh địa lý:</p> <p>1.2.2. Dân số và mật độ dân số...</p> <p>1.2.3. Phương thức sản xuất:</p>			
--	--	--	--

<p>2. Ý thức xã hội và kết cấu của ý thức xã hội</p> <p>2.1. Khái niệm ý thức xã hội</p> <p>* Ý thức xã hội dùng để chỉ phương diện sinh hoạt tinh thần của xã hội, nảy sinh từ tồn tại xã hội và phản ánh tồn tại xã hội trong những giai đoạn phát triển nhất định.</p> <p>2.2. Kết cấu của ý thức xã hội</p> <p>Thứ nhất: Theo trình độ phản ánh gồm: YTXH thông thường và ý thức lý luận</p> <p>Thứ hai: Theo trình độ và phương thức phản ánh có: Tâm lý xã hội và hệ tư tưởng</p> <p>3. Tính giai cấp của ý thức xã hội</p> <p>* Trong xã hội phân chia thành giai cấp đối kháng</p> <p>* Tính giai cấp của ý thức xã hội biểu hiện rõ nét ở mặt đời sống tinh thần của xã hội, ở cả tâm lý xã hội cũng như hệ tư tưởng.</p> <p>4. Mối quan hệ biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội</p> <p>4.1. Vai trò quyết định của tồn tại xã hội đối với ý thức xã hội</p> <p>* TTXH quyết định YTXH</p> <p>* Tồn tại xã hội như thế nào thì ý thức xã hội sẽ như thế ấy</p> <p>* Tồn tại xã hội thay đổi thì ý thức xã hội cũng thay đổi.</p> <p>* Tồn tại xã hội biến đổi căn bản thì YTXH cũng biến đổi căn bản.</p> <p>4.2. Tính độc lập tương đối của ý thức xã hội</p> <p>* Ý thức xã hội có tính độc lập tương đối tác động trở lại đối với TTXH</p> <p>4.2.1. Ý thức xã hội thường lạc hậu so với tồn tại xã hội</p> <p>4.2.2. Ý thức xã hội có thể vượt trước tồn tại xã hội</p> <p>4.2.3. Tính kế thừa trong sự phát triển của ý thức xã hội</p> <p>4.2.4. Sự tác động qua lại giữa các hình thái ý thức xã hội</p> <p>4.2.5. Ý thức xã hội tác động trở lại tồn tại xã hội</p>			
---	--	--	--

<p>5. Ý nghĩa phương pháp luận</p> <p>IV. HÌNH THÁI KINH TẾ- XÃ HỘI VÀ QUÁ TRÌNH LỊCH SỬ-TỰ NHIÊN CỦA SỰ PHÁT TRIỂN CÁC HÌNH THÁI KINH TẾ-XÃ HỘI</p> <p>1. Phạm trù hình thái kinh tế - xã hội</p> <p><i>1.1. Hình thái kinh tế - xã hội</i></p> <p><i>1.2 Kết cấu</i></p> <p>2. Sự phát triển của các hình thái KT - XH là quá trình lịch sử - tự nhiên</p> <p>3. Giá trị khoa học của học thuyết hình thái kinh tế - xã hội</p> <p>4. Vận dụng học thuyết hình thái kinh tế - xã hội vào phân tích con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</p> <p><i>4.1. Việc lựa chọn con đường đi lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa</i></p> <p>V. GIAI CẤP, VAI TRÒ CỦA ĐẤU TRANH GIAI CẤP, NHÀ NƯỚC VÀ CÁCH MẠNG XÃ HỘI TRONG SỰ VẬN ĐỘNG, PHÁT TRIỂN CỦA XÃ HỘI CÓ ĐỐI KHÁNG GIAI CẤP</p> <p>1. Giai cấp và vai trò của đấu tranh giai cấp đối với sự phát triển của xã hội có đối kháng giai cấp</p> <p><i>1.1. Khái niệm giai cấp</i></p> <p><i>* Từ định nghĩa giai cấp của Lênin có thể rút ra 4 đặc trưng:</i></p> <p><i>1.2. Nguồn gốc giai cấp</i></p> <p><i>1.3. Vai trò của đấu tranh giai cấp đối với sự vận động, phát triển của xã hội có đối kháng giai cấp</i></p> <p><i>- Hình thức đấu tranh giai cấp ở Việt Nam hiện nay</i></p> <p><i>1.3. Ý nghĩa phương pháp luận</i></p> <p>2. Nhà nước</p> <p><i>2.1. Nguồn gốc của nhà nước</i></p> <p><i>2.2. Bản chất và chức năng của Nhà nước</i></p> <p>3. Cách mạng xã hội và vai trò của nó đối với sự phát triển của xã hội có đối kháng</p>			
---	--	--	--

<p>giai cấp</p> <p>2.1. <i>Khái niệm cách mạng xã hội và nguồn gốc của cách mạng xã hội</i></p> <p>2.2. <i>Vai trò của cách mạng xã hội đối với sự vận động, phát triển của xã hội có đối kháng giai cấp</i></p> <p>VI. QUAN ĐIỂM CỦA CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ VỀ CON NGƯỜI VÀ VAI TRÒ SÁNG TẠO LỊCH SỬ CỦA QUẦN CHÚNG NHÂN DÂN</p> <p>1. Quan niệm về con người trong lịch sử nhân loại</p> <p>1.1. Vấn đề con người trong lịch sử tư tưởng triết học phương Đông</p> <p>1.2. Con người trong lịch sử triết học phương Tây</p> <p>* <i>Triết học Hy Lạp cổ đại :</i></p> <p>* <i>Triết học Tây Âu trung cổ</i></p> <p>* <i>Triết học thời kỳ Phục hưng - Cận đại</i></p> <p>* <i>Triết học cổ điển Đức:</i></p> <p>1.3. Quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử về bản chất con người</p> <p>1.3.1. <i>Con người là một thực thể thống nhất giữa mặt sinh vật với mặt xã hội</i></p> <p>1.3.2. <i>Trong tính hiện thực của nó, bản chất con người là tổng hoà những quan hệ xã hội</i></p> <p>1.3.3. <i>Con người là chủ thể và là sản phẩm của lịch sử</i></p> <p>2. Khái niệm cá nhân, vĩ nhân - lãnh tụ, quần chúng nhân dân</p> <p>2.1. Khái niệm cá nhân</p> <p>2.2. Khái niệm vĩ nhân -lãnh tụ</p> <p>2.2.1. <i>Khái niệm</i></p> <p>2.2.2. <i>Phẩm chất của vĩ nhân - lãnh tụ</i></p> <p>2.3. <i>Khái niệm quần chúng nhân dân</i></p> <p>2.4. <i>Mối quan hệ giữa quần chúng nhân dân và vĩ nhân - lãnh tụ</i></p> <p>2.4.1. <i>Mối quan hệ giữa vĩ nhân- lãnh tụ với quần chúng nhân dân</i></p>			
--	--	--	--

	<p>2.4.2. Quan hệ giữa quần chúng nhân dân với lãnh tụ</p> <p>3. Vai trò của quần chúng nhân dân, cá nhân, vĩ nhân trong lịch sử</p> <p>3.1. Vai trò của quần chúng nhân dân trong lịch sử</p> <p>* Ý nghĩa phương pháp luận rút ra:</p> <p>3.2. Vai trò của cá nhân - vĩ nhân, lãnh tụ trong lịch sử</p> <p>* Ý nghĩa phương pháp luận rút ra</p>			
	HƯỚNG DẪN ÔN TẬP		3	3
Tổng		25	20	45

7/ PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY

- Giảng viên sử dụng phương pháp: Thuyết trình, trực quan, thảo luận nhóm, hỏi đáp, xem phim tư liệu về chính trị..,

- Sinh viên tự nghiên cứu: Chuẩn bị bài học trước khi lên lớp, học nhóm, thảo luận nhóm, thuyết trình, xemina..

8/ PHƯƠNG PHÁP, HÌNH THỨC ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

Phương pháp đánh giá	Tỷ trọng
Điểm chuyên cần + rèn luyện học tập	20%
Điểm tiểu luận giữa kỳ	20%
Thi hết môn	60%

8.1. Điểm chuyên cần

- Đánh giá thời gian đi học đúng giờ, ý thức học tập, sự tham gia tích cực vào quá trình học tập trên lớp, sự chuẩn bị bài trước khi lên lớp của sinh viên.

8.2. Điểm tiểu luận

- Sinh viên viết tiểu luận trên cơ sở đánh giá của giảng viên

8.3. Thi hết môn

- Hình thức thi: Trắc nghiệm + tự luận + liên hệ vận dụng thực tế

- Thời gian thi: 90 phút

9/ QUY ĐỊNH CHUNG VỀ MÔN HỌC

Sau đây là một số quy định buộc sinh viên phải tuân thủ khi học môn này. Phải đọc kỹ và ghi nhớ. Nếu vi phạm sẽ phải chịu hình thức kỷ luật của giáo viên.

9.1. Quy định về chuẩn bị bài xemina

- Giáo viên đưa ra chủ đề, sinh viên về chuẩn bị theo nhóm đã được giáo viên phân công

- Nhóm và cá nhân nào chuẩn bị không tốt, sẽ bị trừ vào điểm rèn luyện

9.2. Quy định về tiểu luận giữa kỳ

- Sinh viên phải làm bài tiểu luận do giáo viên đưa ra

- Nộp tiểu luận đúng thời gian quy định

- Sinh viên nào không có bài tiểu luận, sẽ không có điểm

- Sinh viên đưa ra lý do, nộp lại vào giờ học kế tiếp và bị trừ 20% số điểm.

- Quá 3 buổi giảng viên sẽ không thu bài tiểu luận

9.3. Quy định về thi hết môn

- Trắc nghiệm + tự luận + liên hệ vận dụng thực tế

- Thực hiện đúng theo quy định của phòng đào tạo Học viện Chính sách và Phát triển đưa ra

9.4. Quy định về giờ lên lớp

- Sinh viên có tiết học trên lớp, phải có mặt ở lớp trước 5 phút

- Sinh viên đi muộn 2 lần (quá 5 phút) tình bằng 1 buổi nghỉ học

- Sinh viên nghỉ 4 buổi sẽ bị đình chỉ thi môn học

9.5. Các quy định khác

- Thực hiện theo quy chế của Học viện Chính sách và Phát triển ban hành

10. TÀI LIỆU HỌC TẬP

10.1. Tài liệu chính

- Giáo trình – Những nguyên lý của chủ nghĩa Mác-Lênin do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành (2015).

- Tập bài giảng Nguyên lý I – Học viện Chính sách và Phát triển năm 2014

10.2. Tài liệu tham khảo

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, NXB. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016.

2. Học viện Chính sách và Phát triển: Giáo trình Triết học, Nxb. Chính trị quốc gia, 2012.

3. Tập bài giảng: “*Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin*” của PGS, TS. Trần Quang Lâm, NXB Chính trị quốc gia, 2010.

4. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016.

5. Tạp Chí Triết học - Số ra hàng tháng

**PHÓ TRƯỞNG KHOA
PHỤ TRÁCH KHOA**

TS. Ngô Minh Thuận